

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMALTHEA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMALTHEA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AMALTHEA INVESTMENT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: AMALTHEA CORP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502448721

**3. Ngày thành lập:** 09/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 154/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0366056327

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                        | 4632(Chính)                                                  |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                          | 4633                                                         |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                         | 4101                                                         |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                   | 4102                                                         |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                             | 4211                                                         |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                              | 4212                                                         |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                         | 4229                                                         |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                  | 4221                                                         |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                     | 4321                                                         |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                     | 4322                                                         |
| 11. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                           | 0810                                                         |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                     | 6810                                                         |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                       | 5229                                                         |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                 | 5222                                                         |
| 15. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                 | 5510                                                         |
| 16. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                     | 7912                                                         |
| 17. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                              | 4661                                                         |
| 18. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                | 3312                                                         |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                           | 4659                                                         |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                       | 4931                                                         |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                          | 4932                                                         |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                            | 7730                                                         |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                            | 4933                                                         |
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                    | 4311                                                         |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                         | 4312                                                         |
| 26. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                     | 2392                                                         |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                   | 4663                                                         |
| 28. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                         | 6820                                                         |
| 29. | (Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định)<br><br>Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 09/03/2021 đến ngày 08/04/2021

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ DUNG   | Số 07 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 720.000    | 7.200.000.000         | 80,000    | 273637886                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số                   | 720.000    | 7.200.000.000         | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TRỌNG MẠNH | Số 7 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    | 273637486                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số                   | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                              |                           |        |             |        |                  |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | PHẠM VIỆT HÙNG | Số 07 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000 | 900.000.000 | 10,000 | 0340810074<br>40 |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                              | Tổng số                   | 90.000 | 900.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                |                                                                                              |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273637886

Ngày cấp: 23/10/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 07 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 07 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu